

NGÂN HÀNG CÂU HỎI SINH HỌC 6 KỲ II

Câu 1: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 19 – thời gian 2 phút:*

Em hãy khoanh tròn vào chữ (a,b,c...) chỉ ý trả lời đúng nhất trong các câu sau đây:

1. Trong các nhóm quả sau đây nhóm quả nào gồm toàn quả khô?

- a. Quả cải, quả đu đủ, quả cam, quả cà chua.
- b. Quả mơ, quả chanh, quả lúa.
- c. Quả dừa, quả đào, quả gấc, quả ôi.
- d. Quả bông, quả thìa lìa, quả đậu hà lan.

Đáp án: d

Câu 2: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 19 – thời gian 3 phút:*

Mô tả các bộ phận của hạt.

- Hạt gồm có :vỏ, phôi,.....
 - * Phôi gồm: rễ mầm,, chồi mầm.
- Chất dinh dưỡng của hạt chứa ở hoặc phôi nhũ.

Đáp án:

- Hạt gồm có :vỏ, phôi, chất dinh dưỡng dự trữ.
 - * Phôi gồm: rễ mầm, thân mầm, lá mầm, chồi mầm.
- Chất dinh dưỡng của hạt chứa ở lá mầm hoặc phôi nhũ.

Câu 3: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 19 – thời gian 3 phút:*

Các cách phát tán của quả và hạt ?

Đáp án:

Quả và hạt có nhiều cách phát tán :phát tán nhờ gió, phát tán nhờ côn trùng, tự phát tán và phát tán nhờ con người.

Câu 4: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 20 – thời gian 1 phút:*

Nhóm gồm toàn những cây Hai lá mầm:

- a. Cây lúa, cây xoài, cây ngô, cây hành.

b. Cây bưởi, cây cà chua, cây nhãn, cây cải.

c. Cây cam, cây tỏi, cây hoa hồng, cây ngô.

Đáp án: b

Câu 5: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 20 – thời gian 3 phút:*

Đặc điểm phân biệt giữa lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm.

- **Cây hai lá mầm:**

+ Thân:

+ Rễ

+ Lá

+ Phôi

- **Cây có một lá mầm:**

+ Thân

+ Rễ

+ Gân lá

+ Phôi

Đáp án:

Đặc điểm phân biệt giữa lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm.

- **Cây hai lá mầm:**

+ Thân leo, thân gỗ, thân cỏ.

+ Rễ cọc

+ Lá có gân hình mạng

+ Phôi có hai lá mầm

- **Cây có một lá mầm:**

+ Thân cỏ

+ Rễ chùm

+ Gân lá hình song song hoặc hình cung

+ Phôi có một lá mầm.

Câu 6: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 20 – thời gian 5 phút:*

BT1	Cách phát tán	Phát tán nhờ gió	Phát tán nhờ động vật	Tự phát tán
BT2	Tên quả và hạt			
BT3	Đặc điểm thích nghi			

Đáp án: B

BT1	Cách phát tán	Phát tán nhờ gió	Phát tán nhờ động vật	Tự phát tán
BT2	Tên quả và hạt	Quả trôi, quả bám bầu, quả bơ, bồ công anh	Quả sim, quả ổi, quả dưa hấu, quả khế, trinh nữ	Quả các cùng họ đậu, xà cừ, bằng lăng
BT3	Đặc điểm thích nghi	Quả có cánh hoặc túi lông nhẹ	Quả có vị thơm vị ngọt...	Vỏ quả tự nứt để hạt tung ra ngoài

Câu 7: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 21 – thời gian 1 phút:*

Điều kiện bên ngoài cần cho hạt nảy mầm là gì?

- a. Đủ không khí.
- b. Đủ nước, đủ không khí & nhiệt độ thích hợp.
- c. Đủ nước, nhiệt độ thích hợp.

Đáp án: b

Câu 8: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 21 – thời gian 1 phút:*

Phôi của hạt gồm những bộ phận nào?

- a. Lá mầm, chồi mầm, thân mầm, rễ mầm.
- b. Vỏ hạt, lá mầm, chồi mầm, rễ mầm.
- c. Vỏ hạt, mầm, phôi, chất dự trữ.

Đáp án: A

Câu 9: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 21 – thời gian 3 phút:*

Cần thiết kế thí nghiệm như thế nào để chứng minh sự nảy mầm của hạt phụ thuộc vào chất lượng hạt giống?

Đáp án: + Làm nhiều cốc TN giống nhau về tất cả các đk bên ngoài: đủ nước, đủ kh², nh/độ th/hợp, nhưng khác nhau về chất lượng hạt giống.

+ Một cốc có hạt giống tốt(hạt chắc, mẩy, không bị sâu bệnh...).

+ Các cốc khác đều có 1 trong những loại hạt giống xấu (hạt bị mốc, hạt bị lép, hạt bị sứt sẹo,...).

Câu 10: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 22 – thời gian 2 phút:*

Quả và hạt do bộ phận nào của hoa tạo thành?

- A. Đài, tràng, nhị, nhụy
- B. Bầu nhụy và noãn sau khi được thụ tinh.
- C. Bao phấn, hạt phấn, bầu và đầu nhụy
- D. Cả A, B, C sai.

Đáp án: B

Câu 11: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 22 – thời gian 1 phút:*

Nhóm cây gồm toàn cây một lá mầm là:

- A. Cây dừa cạn, cây rẻ quạt
- B. Cây dừa cạn, cây tre
- C. Cây rẻ quạt, cây xoài
- D. Cây rẻ quạt, cây tre

Đáp án: D

Câu 12: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 22 – thời gian 3 phút:*

Vì sao nói cây có hoa là một thể thống nhất ?

Đáp án:

Cây có hoa là một thể thống nhất vì:

+ Có sự phù hợp giữa cấu tạo và chức năng trong mỗi cơ quan.

+ Có sự thống nhất giữa chức năng của các cơ quan.

→ Tác động vào một cơ quan sẽ ảnh hưởng đến các cơ quan khác và toàn bộ cây.

Câu 13: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 23 – thời gian 2 phút:*

Cơ thể của tảo có cấu tạo:

- a. tất cả đều là tảo đơn bào
- b. tất cả đều là tảo đa bào
- c. có dạng đơn bào và đa bào

Đáp án: C

Câu 14: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 23 – thời gian 2 phút:*

Tảo là thực vật bậc thấp vì:

- cơ thể có cấu tạo đơn bào.
 - sống ở nước.
 - chưa có rễ, thân, lá.
- đáp án c

Câu 15: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 23 – thời gian 3 phút:*

Nêu đặc điểm và cấu tạo của tảo xoắn ?

Đáp án:

Nêu đặc điểm và cấu tạo của tảo xoắn.

- Đặc điểm: Cơ thể đa bào, mỗi sợi tảo gồm nhiều tế bào hình chữ nhật xếp sát nhau. Có 2 hình thức sinh sản.
- Cấu tạo: Vách tế bào, thể màu và nhân.

Câu 16: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 24 – thời gian 2 phút:*

Tại sao không thể coi rong mơ như một cây xanh thật sự ?

- Vì rong mơ chưa có ..., ..., ..., thật sự. Ở các bộ phận đó chưa phân biệt các loại mô, đặc biệt chưa có ..., bộ phận giống quả chỉ là những phao nổi, bên trong chứa khí (giúp rong mơ có thể sống trong nước).

Đáp án:

- Vì rong mơ chưa có rễ, thân, lá,... thật sự. Ở các bộ phận đó chưa phân biệt các loại mô, đặc biệt chưa có mô dẫn, bộ phận giống quả chỉ là những phao nổi, bên trong chứa khí (giúp rong mơ có thể sống trong nước).

Câu 17: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 24 – thời gian 2 phút:*

Tại sao rêu ở cạn nhưng chỉ sống được ở chỗ ẩm ướt ?

Đáp án:

Rêu chưa có rễ chính thức, chưa có mạch dẫn → Chức năng hút và dẫn truyền chưa hoàn chỉnh.

Việc hút nước và chất khoáng hoà tan thực hiện bằng cách thấm qua bề mặt.

Câu 18: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 24 – thời gian 4 phút:*

Tại sao nói Tảo là thực vật bậc thấp còn Rêu là thực vật bậc cao ?

Đáp án:

* Nói Tảo là thực vật bậc thấp vì: - Tảo chỉ sống ở môi trường nước.

- Tảo chưa có sự phân hoá cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.

- Tảo chưa có rễ thân lá thật sự, chưa có mạch dẫn.

* Nói Rêu là thực vật bậc cao vì:

- Rêu sống ở môi trường trên cạn; cấu tạo đa bào.

- Rêu đã có sự phân hoá cơ quan sinh dưỡng và cơ quan sinh sản.

- Rêu có thân, lá thật, rễ giả; cơ quan sinh sản là túi bào tử.

Câu 19: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 25 – thời gian 1 phút:*

Nhóm thực vật nào sống đầu tiên trên cạn, có rễ giả, chưa có hoa, sinh sản bằng bào tử ?

A. Tảo

B. Rêu

C. Dương xỉ

D. Hạt trần

Đáp án: B

Câu 20: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 25 – thời gian 2 phút:*

Nón đực:

+ Nhỏ mọc thành

+ Vây (nhị) mang chứa hạt phấn.

Nón cái:

+ Lớn, mọc

+ Vây (lá noãn) mang

Đáp án:

Nón đực:

+ Nhỏ mọc thành cụm.

+ Vây (nhị) mang 2 túi phấn chứa hạt phấn.

Nón cái:

+ Lớn, mọc riêng lẻ

+ Vây (lá noãn) mang 2 noãn

Câu 21: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 25 – thời gian 10 phút:*

Nêu những điểm giống và khác nhau giữa ngành Hạt trần và ngành Hạt kín ?

Đáp án:

* Giống nhau: - Đều là thực vật bậc cao, cấu tạo phức tạp.

- Đều có rễ, thân, lá thật sự; có mạch dẫn.

- Sinh sản bằng hạt.

* Khác nhau:

Nhóm	Hạt Trần	Hạt Kín
Môi trường	- Ở cạn, nơi khô cạn.	- Đa dạng.
Cơ quan sinh dưỡng	- Rễ, thân, lá thật. - Mạch dẫn chưa hoàn thiện.	- Rễ, thân, lá thật rất đa dạng. - Mạch dẫn hoàn thiện.
Cơ quan sinh sản	- Cơ quan sinh sản là nón gồm nón đực và nón cái.	- Cơ quan sinh sản là hoa gồm bao hoa, nhị và nhuỵ.

Câu 22: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 26 – thời gian 2 phút:*

Trong nhóm cây sau, nhóm nào toàn cây hạt kín

- cây mít, rêu rêu, cây ớt.
- cây thông, cây lúa, cây đào.
- cây ôi, cây cải, cây dừa.

đáp án c

Câu 23: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 25 – thời gian 5 phút:*

Trình bày đặc điểm sinh sản và cơ quan sinh sản của cây hạt kín?

Đáp án: - Cơ quan sinh sản là: hoa, quả, hạt

+ Các bộ phận của hoa: cánh dính, cánh rời ...

+ Quả :

- Quả khô (quả khô nẻ và khô không nẻ)
- Quả thịt (q. mọng và q. hạch)

- Sinh sản: bằng hạt

Hạt nằm trong quả → hạt kín (hạt được bảo vệ tốt hơn)

Câu 24: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 25 – thời gian 4 phút:*

Thực vật được phân chia thành những ngành nào? Nêu đặc điểm chính mỗi ngành đó?

Đáp án

Thực vật gồm các ngành: - Tảo- Rêu - Dương xỉ- Hạt trần- Hạt kín

Đặc điểm chính các ngành thực vật là:

- Ngành Tảo: Chưa có rễ thân lá. Sống chủ yếu ở dưới nước.

- Ngành Rêu: Có thân lá đơn giản và rễ giả, sinh sản bằng bào tử, sống ở nơi ẩm ướt.
- Ngành Dương xỉ: Có thân lá và rễ thật, sinh sản bằng bào tử, sống ở nhiều nơi.
- Ngành Hạt trần: Có rễ, thân, lá phát triển, sống nhiều nơi, sinh sản bằng nón.
- Ngành Hạt kín: Có rễ, thân, lá phát triển, đa dạng, phân bố rất rộng, có hoa và sinh sản bằng hạt, có hoa, quả và có hạt kín.

Câu 25: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 26 – thời gian 2 phút:*

Những đặc điểm nào sau đây đúng với cây hai lá mầm:

- a. Gồm toàn cây thân gỗ
- b. Thường có hoa lưỡng tính
- c. Gồm cả cây thân gỗ và cây thân cỏ

Đáp án : C

Câu 26: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 26 – thời gian 4 phút:*

Nhóm	Hạt Trần	Hạt Kín
Môi trường		
Cơ quan sinh dưỡng		
Cơ quan sinh sản		

Đáp án:

Nhóm	Hạt Trần	Hạt Kín
Môi trường	- Ở cạn, nơi khô cạn.	- Đa dạng.
Cơ quan sinh dưỡng	- Rễ, thân, lá thật. - Mạch dẫn chưa hoàn thiện.	- Rễ, thân, lá thật rất đa dạng. - Mạch dẫn hoàn thiện.
Cơ quan sinh sản	- Cơ quan sinh sản là nón gồm nón đực và nón cái.	- Cơ quan sinh sản là hoa gồm bao hoa, nhị và nhụy.

Câu 27: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 26 – thời gian 4 phút:*

Phân biệt thực vật thuộc lớp một lá mầm và lớp hai lá mầm? Cho ví dụ?

Lớp một lá mầm	Lớp hai lá mầm
----------------	----------------

--	--

Đáp án:

Lớp một lá mầm	Lớp hai lá mầm
- Phôi có một lá mầm. - Có rễ chùm. - Lá có gân hình cung hoặc song song. - Phần lớn là cây thân cỏ. - 3 hoặc 6 cánh hoa. - VD: lúa, ngô, dứa ...	- Phôi có hai lá mầm. - Có rễ cọc. - Lá có gân hình mạng. - Gồm cả cây thân gỗ ... và cây thân cỏ. - 4 hoặc 5 cánh hoa. - VD: đậu xanh, xoài, dưa hấu,

Câu 28: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 27 – thời gian 3 phút:*

Những đặc điểm cấu tạo của rễ khác cây có hoa là:

- A. Cơ quan sinh dưỡng có cấu tạo đơn giản.
- B. Thân không phân nhánh, chưa có mạch dẫn, rễ giả, chưa có hoa, sinh sản bằng bào tử.
- C. Chưa có hoa, quả, hạt, sinh sản bằng bào tử.
- D. Thân thấp, nhỏ, thân và lá chưa có mạch dẫn.

Đáp án : D

Câu 29: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 27 – thời gian 2 phút:*

Thực vật bậc cao gồm những ngành nào ? So với thực vật bậc thấp, thực vật bậc cao tiến hoá hơn ở những điểm nào ?

Đáp án :

- + Gồm các ngành : rêu, quyết, hạt trần, hạt kín.
- + Tiến hoá : có thân, lá, rễ.

Câu 30: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 27 – thời gian 4 phút:*

Vì sao thực vật hạt kín có thể phát triển đa dạng phong phú như ngày nay?

Đáp án:

- Có hoa với cấu tạo, hình dạng, màu sắc khác nhau thích hợp với nhiều cách thụ phấn.
- Noãn được bảo vệ tốt hơn ở trong bầu nhụy.
- Noãn thụ tinh biến thành hạt và được bảo vệ trong quả. Quả có nhiều dạng và có thể thích nghi với nhiều cách phát tán.
- Các cơ quan sinh dưỡng phát triển và đa dạng giúp cây có điều kiện sinh trưởng và phát triển tốt hơn.

Câu 31: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 28 – thời gian 1 phút:*

Quá trình phát triển của giới thực vật được chia thành mấy giai đoạn:

- Hai giai đoạn
- Một giai đoạn
- Ba giai đoạn

Đáp án: C

Câu 32: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 28 – thời gian 3 phút*

Điểm khác cơ bản giữa thực vật với các sinh vật khác là gì?

- Thực vật rất đa dạng, phong phú.
- Thực vật sống ở khắp nơi trên trái đất.
- Thực vật có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ, phần lớn không có khả năng duy chuyển, trả lời chậm với các kích thích của môi trường.

Đáp án : C

Câu 33: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 28 – thời gian 2 phút:*

Tại sao người ta lại nói “ rừng cây như một lá phổi xanh ” của con người?

Đáp án:

- Rừng cân bằng lượng khí carbonic và khí oxi trong không khí.
- Rừng tham gia cản bụi, góp phần tiêu diệt một số vi khuẩn gây bệnh, làm giảm ô nhiễm môi trường.
- Tán lá rừng che bớt ánh nắng....góp phần làm giảm nhiệt độ của không khí và đem lại bóng mát.

Câu 34: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 29 – thời gian 1 phút:*

Mạch gỗ có chức năng :

- Vận chuyển nước và muối khoáng.

- b. Vận chuyển chất hữu cơ.
c. Vận chuyển nước, muối khoáng và chất hữu cơ.

Đáp án : A

Câu 35: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 29 – thời gian 3 phút*

Khi có mưa lớn thì đất ở đồi trọc bị xói mòn và gây ra những hậu quả tiếp theo là gì?

Đáp án

Ở những nơi không có rừng, sau khi mưa đất bị xói mòn, rửa trôi làm lấp lòng sông, suối; nước không thoát kịp, tràn lên các vùng thấp, gây ngập lụt. Mặt khác, tại nơi đó đất không giữ được nước gây ra hạn hán.

Câu 36: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 29 – thời gian 6 phút:*

Tại sao người ta nói nếu không có thực vật thì cũng không có loài người?

Đáp án

- Thiếu thực vật thì thiếu nguồn cung cấp oxi và thức ăn cho người và động vật.
- Không có thực vật thì không có nguồn thức ăn cho động vật.
- Không có thực vật và động vật thì con người không tồn tại.

Câu 37: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 30 – thời gian 2 phút:*

Khi hô hấp thì cây lấy khí:

- a. Cacbonic và oxi
b. Nito
c. Oxi

Đáp án : c

Câu 38: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 30 – thời gian 2 phút*

Các chất hữu cơ do thực vật chế tạo ra có ý nghĩa gì?

- a. Cung cấp nguyên liệu cần cho hô hấp của các sinh vật.
b. Cung cấp thức ăn (trực tiếp hoặc gián tiếp) cho động vật và con người.
c. Cung cấp nhiều loại sản phẩm khác nhau phục vụ nhu cầu đời sống và sản xuất của con người.

Đáp án : b, c

Câu 39: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 30 – thời gian 1 phút:*

Vai trò của thực vật (rừng) trong việc hạn chế lũ lụt, hạn hán?

Đáp án :

- Rừng ngăn cản dòng nước khi mưa lớn, hạn chế dòng chảy ngăn cản lũ lụt.

Câu 40: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 31 – thời gian 1 phút:*

Hầu hết vi khuẩn là những sinh vật dị dưỡng vì:

- Tế bào của chúng chưa có nhân điển hình.
- Một số di chuyển được giống như động vật.
- cả hai câu trên đều đúng

Đáp án : b

Câu 41: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 31 – thời gian 5 phút*

- Nấm:
 - + Cơ quan dinh dưỡng là những , chúng dinh dưỡng
 - + Cơ quan sinh sản là mũ nấm, sinh sản bằng
 - + Tế bào có hai nhân, có vách ngăn, không chất diệp lục.
 - + Sống

Đáp án :

- Nấm:
 - + Cơ quan dinh dưỡng là những sợi nấm, chúng dinh dưỡng hoại sinh.
 - + Cơ quan sinh sản là mũ nấm, sinh sản bằng bào tử.
 - + Tế bào có hai nhân, có vách ngăn, không chất diệp lục.
 - + Sống hoại sinh, kí sinh, cộng sinh: giữa tảo và nấm tạo thành địa y..

Câu 42: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 31 – thời gian 3 phút:*

Đặc điểm, cấu tạo, dinh dưỡng của vi khuẩn, nấm. Giải thích đặc điểm, cấu tạo của vi khuẩn và nấm liên quan đến hình thức vận động của chúng.

Đáp án :

- Vi khuẩn :
 - + Hình dạng : hình cầu, bầu dục, que,...
 - + Cấu tạo : đơn bào, chưa có nhân hoàn chỉnh, không có diệp lục,...

- + Kích thước: Rất nhỏ bé (kích thước hiển vi)
- Vi khuẩn dinh dưỡng bằng cách dị dưỡng (hoại sinh hoặc kí sinh)
 - + Hoại sinh: cơ thể sống trên xác động thực vật đang phân hủy.
- + Ký sinh : vi khuẩn sống trên các cơ thể sống.

Câu 43: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 32 – thời gian 1 phút:*

Nấm không phải là thực vật vì:

- a. Cơ thể của chúng không có dạng thân, lá.
- b. Cơ thể của chúng không có chất diệp lục nên không tự dưỡng được.
- c. Chúng sinh sản chủ yếu bằng bào tử.

Đáp án: B

Câu 44: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 32 – thời gian 2 phút*

Trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai

- 1, Ở nhiệt độ 15^{0C}-20^{0C} nấm phát triển tốt nhất.
- 2, Vi khuẩn vừa có lợi vừa có hại.
- 3, Vi khuẩn có vai trò phân huỷ các sinh vật đang sống.

Đáp án : 1 – S; 2 – D; 3 – S.

Câu 45: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 32 – thời gian 3 phút:*

Kể một số nấm có hại cho con người.

Đáp án :

- Yêu cầu kể được: nấm ký sinh gây bệnh cho người (ví dụ: hắc bào, lang ben, nấm tóc,...)
- nấm độc gây ngộ độc

Câu 46: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 33 – thời gian 2 phút:*

Cấu tạo của địa y gồm hai

- A, Sợi nấm xen lẫn các tế bào tảo.
- B, Sợi nấm xen lẫn các vi khuẩn.
- C, Là tổ chức vi khuẩn có khả năng quang hợp.

Đáp án :A

Câu 47: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 33 – thời gian 2 phút*

Thế nào là hình thức sống cộng sinh.

Đáp án

- Nêu khái niệm cộng sinh: Là hình thức sống chung giữa 2 cơ thể sinh vật (cả hai bên đều có lợi).

Câu 48: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 33 – thời gian 5 phút:*

Địa y có vai trò gì trong tự nhiên ?

Đáp án

- + Tạo thành đất
- + Là thức ăn của hươu bắc cực
- + Là nguyên liệu chế nước hoa phẩm nhuộm ...

Câu 49: *Mức độ nhận biết kiến thức tuần 34 – thời gian 5 phút:*

Dựa vào đặc điểm nào để nhận biết cây có hoa và cây có quả?

- a. Cây có hoa có cơ quan sinh dưỡng là rễ, thân, lá.
- b. Cây có hoa là cơ quan sinh sản là hoa, quả, hạt.
- c. Cây có hoa là những cây ra hoa kết quả hàng năm.

Đáp án: B

Câu 50: *Mức độ thông hiểu kiến thức tuần 34 – thời gian 4 phút*

Trong các câu sau câu nào đúng, câu nào sai:

1. Lá dâm bụt, lá phượng, lá dâu là lá đơn.
2. Trụ giữa có chức năng dự trữ và tham gia quang hợp.
3. Tế bào ở mô phân sinh có khả năng phân chia.
4. Tế bào non có khả năng phân chia.
5. Lỗ khí có chức năng quang hợp.
6. Hoa mướp, hoa bầu, hoa dưa chuột, hoa bí ngô thuộc loại hoa đơn tính.
7. Quả bông, quả cà chua, quả đu đủ, quả mơ thuộc loại quả hạch.
8. Phôi của hạt đỗ đen, hạt đỗ xanh, hạt đậu tương có hai lá mầm.
9. Quả chò, quả bồ công anh, quả đậu, hạt hoa sữa phát tán nhờ gió.
10. Cây sừng trắng, cây xoài, cây đước, cây xương rồng sống ở cạn.
11. Cây thông, cây lúa, cây mít, cây rêu thuộc nhóm cây hạt kín.
12. Tính chất đặc trưng của cây hạt kín là có hoa, quả, hạt nằm trong quả.

Đáp án

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ

Câu 51: *Mức độ vận dụng kiến thức tuần 34 – thời gian 5 phút:*

Hãy chọn một số từ sau đây điền vào chỗ trống cho thích hợp

Tự thụ phấn, thụ phấn, lưỡng tính, nhị và nhụy, màu sắc sắc sỡ, gió, tiêu giảm, có lông dính, nhẹ, nhỏ.

-(91)là hiện tượng hạt phấn tiếp xúc với đầu nhụy.
- Hoa tự thụ phấn là loại hoa(92).....
- Hoa có hạt phấn rơi vào đầu nhụy của chính hoa đó gọi.....(93).....
- Hiện tượng giao phấn xảy ra ở những hoa có(94)....., không chín cùng một lúc.
- Những hoa thụ phấn nhờ sâu bọ thường có(95)....., còn những hoa thụ phấn nhờ(96)....., thường có hoa nằm ở ngọn cây; bao hoa thường(97)....., chỉ nhị dài, hạt phấn nhiều(98)(99)....., đầu nhụy thường có(100).....

Đáp án

91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
thụ phấn	lưỡng tính	tự thụ phấn	nhị và nhụy	màu sắc sắc sỡ	gió	tiêu giảm	nhỏ	nhẹ	lông dính

Hết